

THÔNG BÁO

Kết quả Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử của Thành phố Hồ Chí Minh trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (tuần thứ 41)

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

Căn cứ kết quả đánh giá các tiêu chí của Bộ chỉ số, kết quả Thành phố trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia¹:

1. Kết quả Thành phố Hồ Chí Minh: đạt hạng 32/34 với tổng số điểm đạt được 80.62 điểm (tuần trước: 76,97 điểm) (phụ lục 1).

1.1. Công khai, minh bạch: 15,01 điểm (tuần trước: 15,16/18 điểm)

- Tỷ lệ công bố đúng hạn: 50,16%
- Tỷ lệ cập nhật, công khai đúng hạn: 63,1%
- Tỷ lệ công khai đầy đủ các nội dung quy định: 100% (2.254 thủ tục).
- Hồ sơ đồng bộ lên cổng DVCQG: 10.554.782 hồ sơ đồng bộ.

1.2. Tiến độ giải quyết: 18,36 điểm (tuần trước: 18,3/20 điểm)

Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn của Thành phố đạt mức trung cao khoảng 93,47%, số liệu của Sở Tài chính không ghi nhận phát sinh số liệu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (hiện tại đa phần hồ sơ trong lĩnh vực tài chính đều thực hiện qua hệ thống chuyên ngành của Bộ Tài chính).

Hiện các đơn vị vẫn còn hồ sơ xử lý quá hạn (kèm phụ lục 3)

1.3. Dịch vụ trực tuyến: 16,01 điểm (tuần trước: 15,79/22 điểm)

1.3.1. Dịch vụ công trực tuyến: 8,11/12 điểm (tháng trước 8,1 điểm)

- Tỷ lệ TTHC cung cấp DVCTT một phần: 55,28% (1.257 DVCTT).
- Tỷ lệ TTHC cung cấp DVCTT toàn trình: 14,73% (335 DVCTT).
- Còn lại: 29,99% (682 TTHC).
- Hồ sơ nộp trực tuyến: 62,62%.
- Hồ sơ xử lý đúng hạn: 93,32%.

¹ Số liệu trích xuất vào lúc 13 giờ 00 phút, ngày 13/10/2025 tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-tonghop.html> với mốc lấy số liệu là năm 2025

1.3.2. Thanh toán trực tuyến: 7,9/10 điểm (tháng trước 7,28 điểm)

- Thanh toán trực tuyến: 81,24% (381 TTHC có thanh toán trực tuyến).
- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến 68,3% (764.549 hồ sơ).

1.4. Mức độ hài lòng: 17,94 điểm (tuần trước: 17,94/18 điểm)

- Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị 99,0%
- Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC 91,79%

1.5. Số hoá hồ sơ: 13,3 điểm (tuần trước: 11.2/22 điểm)

- Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử: 69,52%
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC: 65,64%
- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hoá: 16,78% (259.886 hồ sơ)

2. Đánh giá, khó khăn:

Về điểm số Thành phố đã có nhiều nỗ lực và điểm có tăng nhưng về thứ hạng thì lại thấp hơn so với tháng trước 1 bậc, nguyên do gặp phải những khó khăn như sau:

- Sở, ban Thành phố chưa kịp thời tham mưu công bố thủ tục hành chính theo tiến độ thời gian quy định, dẫn đến Cổng Dịch vụ công Quốc gia rà soát ghi nhận Thành phố chậm, trễ công bố thủ tục hành chính theo quy định.

- Số liệu về hồ sơ đồng bộ Cổng Dịch vụ công Quốc gia chưa đầy đủ, báo cáo của các cơ quan, đơn vị chưa đồng nhất với số liệu cập nhật trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

- Hồ sơ trễ hạn tại các cơ quan, đơn vị còn nhiều, hồ sơ tồn đọng gây ảnh hưởng đến điểm số; vẫn còn tình trạng hồ sơ chậm tiếp nhận trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

- Công tác tuyên truyền thanh toán phí, lệ phí trực tuyến chưa sâu rộng trong quần chúng nhân dân, xã hội; mặt khác điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị thanh toán trực tuyến chưa thật sự thuận tiện cho người dân tiếp cận.

- Hồ sơ chậm tiếp nhận, quá hạn giải quyết, trả kết quả quá thời gian quy định gây ảnh hưởng không tốt đến sự tin tưởng của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, điều này thể hiện chỉ số hài lòng về tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính chưa như mong đợi (trên 95%).

- Công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trước đó trong việc tiếp nhận thủ tục hành chính chưa được chú trọng thực hiện, việc tái sử dụng hồ sơ, tài liệu đã số hóa chưa được quan tâm dẫn đến việc điểm số trong Chỉ tiêu số hóa mất nhiều điều, ảnh hưởng trực tiếp điểm số và thứ hạng của từng cơ quan, đơn vị kéo theo việc Thành phố đạt kết quả không như kỳ vọng.

3. Giải pháp, phương hướng:

- Các Sở, ban Thành phố phải kịp thời tham mưu công bố thủ tục hành chính theo thời gian quy định.

- Các cơ quan, đơn vị rà soát, tập trung giải quyết các hồ sơ còn tồn đọng, tiếp nhận hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo đúng thời gian quy định;

đẩy mạnh công tác tuyên truyền thanh toán phí, lệ phí trực tuyến khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố, cập nhật tính năng thống kê, theo dõi việc tiếp nhận, xử lý, trả kết quả hồ sơ, đồng bộ dữ liệu giữa hệ thống và Cổng Dịch vụ công Quốc gia; đảm bảo khai thác triệt để nguồn dữ liệu đã số hóa, tái sử dụng hồ sơ, tài liệu số, cấp kết quả điện tử khi trả kết quả thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Đề nghị Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu phổ biến, quán triệt Thông báo này đến các cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị, địa phương./.

(Kèm theo các phụ lục)

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTUB: CT, các PCT (để báo cáo)
- VPUB: CVP, PCVP;
- Sở, ban, ngành Thành phố;
- Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố;
- UBND phường, xã, đặc khu;
- TT PVHCC TP;
- Lưu: VT, TNSH/ĐL.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Trương Công Huy

Phụ lục 1
Điểm, tỷ lệ đạt được của Thành phố

TT	Chỉ số	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Tỷ lệ đạt được (%)	Ghi chú
I	Công khai, minh bạch	18	15,01		
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính công bố đúng hạn	6		50,16	
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được cập nhật, công khai đúng hạn	4		63,1	
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính được công khai có đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận tạo thành của thủ tục hành chính	2		100	
4	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6			10.554.782 hồ sơ được đồng bộ
II	Tiến độ, kết quả giải quyết	20	18,36		
5	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20		93,47	
III	Cung cấp dịch vụ trực tuyến	22	16,01		
III.1	Dịch vụ công	12	8,11		
6	Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2		70,01	
7	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4			
8	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính theo hình thức nộp trực tuyến	6		62,62	
III.2	thanh toán trực tuyến	10	7,9		
9	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2		81,24	
10	Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	2		100	
11	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6		68,3	
IV	Số hóa hồ sơ	22	13,3		

12	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	6		69,52	
13	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	4		65,64	
14	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2		16,78	
15	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2			
16	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	4			
*	Ứng dụng dữ liệu dân cư trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công				
17	Tỷ lệ thủ tục hành chính triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính	2			
18	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2			
V	Mức độ hài lòng	18	17.94		
19	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6		99,98	
20	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6		99	
21	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	6		91,79	
		100	80,62		

Phụ lục 2
Danh sách tổng điểm, xếp hạng của các đơn vị

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
Sở, ban, ngành			
1	Sở Xây dựng	87.67	Tốt
2	Sở An toàn thực phẩm	87.04	Tốt
3	Sở Du lịch	85.64	Tốt
4	Sở Dân tộc và Tôn giáo	85.28	Tốt
5	Sở Văn hóa và Thể thao	81.97	Tốt
6	Sở Y tế	77.42	khá
7	Sở Công Thương	77.32	khá
8	Sở Tài chính (CS2)	73.97	khá
9	Sở Nội vụ	72.99	khá
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	70.82	khá
11	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao	69.22	Trung bình
12	Sở Khoa học và Công nghệ	63.7	Trung bình
13	Sở Nông nghiệp và Môi trường	58.81	Trung bình
14	Ban Quản lý Khu Chế xuất và công nghiệp	57.93	Trung bình
15	Sở Tư pháp	56.13	Trung bình
16	Sở Tài chính	45	Yếu
17	Công an TP.HCM	32	Yếu
UBND cấp xã			
1	Ủy ban nhân dân Phường Chợ Quán	90.3	Xuất sắc
2	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn	89.3	Tốt
3	Ủy ban nhân dân Phường Đông Hòa	89.28	Tốt
4	Ủy ban nhân dân Phường Bình Thới	89.27	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
5	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Hưng	89.01	Tốt
6	Ủy ban nhân dân Phường Diên Hồng	88.9	Tốt
7	Ủy ban nhân dân Xã Long Sơn	88.88	Tốt
8	Ủy ban nhân dân Xã Nhuận Đức	88.78	Tốt
9	Ủy ban nhân dân Xã Phú Hòa Đông	88.67	Tốt
10	Ủy ban nhân dân Phường Cầu Kiệu	88.66	Tốt
11	Ủy ban nhân dân Phường Tây Thạnh	88.53	Tốt
12	Ủy ban nhân dân Xã Phú Giáo	88.47	Tốt
13	Ủy ban nhân dân Phường An Nhơn	88.33	Tốt
14	Ủy ban nhân dân Phường Bình Hưng Hòa	88.21	Tốt
15	Ủy ban nhân dân Phường Tân Bình	88.09	Tốt
16	Ủy ban nhân dân Phường Đức Nhuận	88.08	Tốt
17	Ủy ban nhân dân Xã Bắc Tân Uyên	87.93	Tốt
18	Ủy ban nhân dân Phường Thủ Đức	87.92	Tốt
19	Ủy ban nhân dân Phường Vườn Lài	87.8	Tốt
20	Ủy ban nhân dân Phường Khánh Hội	87.77	Tốt
21	Ủy ban nhân dân Xã An Nhơn Tây	87.72	Tốt
22	Ủy ban nhân dân Xã Hồ Tràm	87.72	Tốt
23	Ủy ban nhân dân Phường Cầu Ông Lãnh	87.7	Tốt
24	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tiên	87.62	Tốt
25	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hòa	87.53	Tốt
26	Ủy ban nhân dân Phường Phú Lâm	87.52	Tốt
27	Ủy ban nhân dân Phường Minh Phụng	87.49	Tốt
28	Ủy ban nhân dân Phường Tăng Nhơn Phú	87.47	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
29	Ủy ban nhân dân Phường Thủ Dầu Một	87.38	Tốt
30	Ủy ban nhân dân Phường Bà Rịa	87.31	Tốt
31	Ủy ban nhân dân Phường Hiệp Bình	87.22	Tốt
32	Ủy ban nhân dân Xã Phước Thành	87.2	Tốt
33	Ủy ban nhân dân Phường Long Phước	87.19	Tốt
34	Ủy ban nhân dân Xã An Long	87.17	Tốt
35	Ủy ban nhân dân Phường Dĩ An	87.17	Tốt
36	Ủy ban nhân dân Xã Tân Nhựt	87.11	Tốt
37	Ủy ban nhân dân Phường Tam Long	87.1	Tốt
38	Ủy ban nhân dân Phường Bình Dương	87.03	Tốt
39	Ủy ban nhân dân Xã Tân An Hội	87.01	Tốt
40	Ủy ban nhân dân Phường Bảy Hiền	86.97	Tốt
41	Ủy ban nhân dân Phường Phú Nhuận	86.93	Tốt
42	Ủy ban nhân dân Xã Xuyên Mộc	86.92	Tốt
43	Ủy ban nhân dân Phường Trung Mỹ Tây	86.81	Tốt
44	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thuận	86.71	Tốt
45	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hải	86.68	Tốt
46	Ủy ban nhân dân Phường Tân Đông Hiệp	86.64	Tốt
47	Ủy ban nhân dân Xã Phước Hòa	86.62	Tốt
48	Ủy ban nhân dân Phường Chợ Lớn	86.6	Tốt
49	Ủy ban nhân dân Phường Bình Đông	86.51	Tốt
50	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thọ	86.5	Tốt
51	Ủy ban nhân dân Phường Long Hương	86.49	Tốt
52	Ủy ban nhân dân Phường Phú Định	86.44	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
53	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tân	86.43	Tốt
54	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tây	86.37	Tốt
55	Ủy ban nhân dân Phường Phú An	86.28	Tốt
56	Ủy ban nhân dân Phường Vĩnh Tân	86.27	Tốt
57	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Bình	86.24	Tốt
58	Ủy ban nhân dân Phường Bình Phú	86.08	Tốt
59	Ủy ban nhân dân Phường Tân Định	86.07	Tốt
60	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Hiệp	86.03	Tốt
61	Ủy ban nhân dân Xã Thanh An	86	Tốt
62	Ủy ban nhân dân Phường An Đông	85.88	Tốt
63	Ủy ban nhân dân Xã Thái Mỹ	85.84	Tốt
64	Ủy ban nhân dân Xã Phước Hải	85.82	Tốt
65	Ủy ban nhân dân Xã Bình Chánh	85.81	Tốt
66	Ủy ban nhân dân Phường Phước Thắng	85.78	Tốt
67	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hiệp	85.78	Tốt
68	Ủy ban nhân dân Phường Tân Phú	85.76	Tốt
69	Ủy ban nhân dân Xã Đông Thạnh	85.64	Tốt
70	Ủy ban nhân dân Phường Phú Lợi	85.55	Tốt
71	Ủy ban nhân dân Xã Long Hòa	85.46	Tốt
72	Ủy ban nhân dân Phường Bình Trị Đông	85.37	Tốt
73	Ủy ban nhân dân Phường Xuân Hòa	85.31	Tốt
74	Ủy ban nhân dân Phường Sài Gòn	85.28	Tốt
75	Ủy ban nhân dân Phường An Hội Đông	85.22	Tốt
76	Ủy ban nhân dân Xã Dầu Tiếng	85.14	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
77	Ủy ban nhân dân Phường Tam Bình	85.02	Tốt
78	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Nhất	85.02	Tốt
79	Ủy ban nhân dân Phường Tam Thắng	84.96	Tốt
80	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Hưng	84.93	Tốt
81	Ủy ban nhân dân Xã Hưng Long	84.92	Tốt
82	Ủy ban nhân dân Phường Cát Lái	84.85	Tốt
83	Ủy ban nhân dân Xã Xuân Thới Sơn	84.8	Tốt
84	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Hòa	84.64	Tốt
85	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thọ Hòa	84.54	Tốt
86	Ủy ban nhân dân Phường Tân Khánh	84.51	Tốt
87	Ủy ban nhân dân Phường Bình Quới	84.42	Tốt
88	Ủy ban nhân dân Phường An Khánh	84.25	Tốt
89	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Nhì	84.25	Tốt
90	Ủy ban nhân dân Phường Gò Vấp	84.24	Tốt
91	Ủy ban nhân dân Xã Hòa Hội	84.22	Tốt
92	Ủy ban nhân dân Xã Ngãi Giao	84.21	Tốt
93	Ủy ban nhân dân Xã Bình Mỹ	84.09	Tốt
94	Ủy ban nhân dân Phường Thới Hòa	84.07	Tốt
95	Ủy ban nhân dân Phường Tân Tạo	84.07	Tốt
96	Ủy ban nhân dân Xã Bình Hưng	84	Tốt
97	Ủy ban nhân dân Phường An Phú	83.98	Tốt
98	Ủy ban nhân dân Phường Tây Nam	83.92	Tốt
99	Ủy ban nhân dân Xã Bình Giã	83.9	Tốt
100	Ủy ban nhân dân Xã Vĩnh Lộc	83.57	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
101	Ủy ban nhân dân Phường Bến Thành	83.56	Tốt
102	Ủy ban nhân dân Xã Châu Đức	83.52	Tốt
103	Ủy ban nhân dân Phường Nhiêu Lộc	83.5	Tốt
104	Ủy ban nhân dân Phường An Phú Đông	83.34	Tốt
105	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hưng	83.25	Tốt
106	Ủy ban nhân dân Xã Bàu Bàng	83.25	Tốt
107	Ủy ban nhân dân Xã Hòa Hiệp	83.19	Tốt
108	Ủy ban nhân dân Phường Phước Long	83.08	Tốt
109	Ủy ban nhân dân Xã Thường Tân	83.06	Tốt
110	Ủy ban nhân dân Phường Bàn Cờ	82.98	Tốt
111	Ủy ban nhân dân Xã Bình Châu	82.94	Tốt
112	Ủy ban nhân dân Xã Đất Đỏ	82.84	Tốt
113	Ủy ban nhân dân Phường Hạnh Thông	82.82	Tốt
114	Ủy ban nhân dân Phường Bình Hòa	82.82	Tốt
115	Ủy ban nhân dân Phường Bình Cơ	82.75	Tốt
116	Ủy ban nhân dân Xã Nhà Bè	82.63	Tốt
117	Ủy ban nhân dân Xã Long Hải	82.57	Tốt
118	Ủy ban nhân dân Xã Long Điền	82.55	Tốt
119	Ủy ban nhân dân Xã Cù Chi	82.55	Tốt
120	Ủy ban nhân dân Phường Bến Cát	82.55	Tốt
121	Ủy ban nhân dân Phường Thới An	82.46	Tốt
122	Ủy ban nhân dân Xã Trừ Văn Thố	82.39	Tốt
123	Ủy ban nhân dân Phường An Lạc	82.33	Tốt
124	Ủy ban nhân dân Phường Linh Xuân	82.29	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
125	Ủy ban nhân dân Xã An Thới Đông	82.28	Tốt
126	Ủy ban nhân dân Phường Thạnh Mỹ Tây	82.12	Tốt
127	Ủy ban nhân dân Phường An Hội Tây	82.11	Tốt
128	Ủy ban nhân dân Phường Long Bình	82.04	Tốt
129	Ủy ban nhân dân Phường Rạch Dừa	82.04	Tốt
130	Ủy ban nhân dân Phường Long Trường	82.03	Tốt
131	Ủy ban nhân dân Phường Phú Mỹ	81.87	Tốt
132	Ủy ban nhân dân Xã Cần Giò	81.72	Tốt
133	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Lợi	81.71	Tốt
134	Ủy ban nhân dân Xã Xuân Sơn	81.57	Tốt
135	Ủy ban nhân dân Xã Tân Vĩnh Lộc	81.3	Tốt
136	Ủy ban nhân dân Xã Hóc Môn	81.25	Tốt
137	Ủy ban nhân dân Phường Bình Lợi Trung	81.21	Tốt
138	Ủy ban nhân dân Xã Nghĩa Thành	81.08	Tốt
139	Ủy ban nhân dân Xã Kim Long	81.01	Tốt
140	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thạnh	80.8	Tốt
141	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thuận	80.77	Tốt
142	Ủy ban nhân dân Xã Bình Khánh	80.76	Tốt
143	Ủy ban nhân dân Phường Tân Mỹ	80.63	Tốt
144	Ủy ban nhân dân Xã Minh Thạnh	80.56	Tốt
145	Ủy ban nhân dân Phường Đông Hưng Thuận	80.42	Tốt
146	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Phú Hòa	80.32	Tốt
147	Ủy ban nhân dân Xã Bà Điểm	80.26	Tốt
148	Ủy ban nhân dân Phường Vũng Tàu	80.21	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
149	Ủy ban nhân dân Xã đảo Thanh An	80.05	Tốt
150	Ủy ban nhân dân Phường Tân Phước	80.05	Tốt
151	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thành	80	Tốt
152	Ủy ban nhân dân Phường Xóm Chiếu	79.88	khá
153	Ủy ban nhân dân Phường Bình Trưng	79.55	khá
154	Ủy ban nhân dân Phường Lái Thiêu	79.5	khá
155	Ủy ban nhân dân Phường Thuận An	79.37	khá
156	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thới Hiệp	79.18	khá
157	Ủy ban nhân dân Xã Bàu Lâm	79.04	khá
158	Ủy ban nhân dân Xã Bình Lợi	78.53	khá
159	Ủy ban nhân dân Xã Châu Pha	78.45	khá
160	Ủy ban nhân dân Phường Long Nguyên	78.12	khá
161	Ủy ban nhân dân Phường Thông Tây Hội	78.01	khá
162	Ủy ban nhân dân Phường Tân Uyên	77.97	khá
163	Ủy ban nhân dân Đặc khu Côn Đảo	77.52	khá
164	Ủy ban nhân dân Xã Hiệp Phước	77.42	khá
165	Ủy ban nhân dân Phường Gia Định	72.82	khá
166	Ủy ban nhân dân Phường Vĩnh Hội	71.56	khá
167	Ủy ban nhân dân Phường Bình Thạnh	70.93	khá
168	Ủy ban nhân dân Phường Thuận Giao	63.37	Trung bình

Phục lục 3
Danh mục hồ sơ xử lý quá hạn

STT	Tên cơ quan/đơn vị	Mã định danh	Tổng số hồ xử lý quá hạn
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	H29.14	1061
2	Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố	H29.14.10	753
3	Sở Tư pháp	H29.16	349
4	Ủy ban nhân dân Phường Tân Khánh	H29.295	335
5	Ủy ban nhân dân Phường Bàn Cờ	H29.163	290
6	Sở Công Thương	H29.2	209
7	Sở An toàn thực phẩm	H29.109	164
8	Sở Xây dựng	H29.18	151
9	Ủy ban nhân dân Xã Bà Điểm	H29.243	125
10	Ủy ban nhân dân Phường Tăng Nhơn Phú	H29.151	109
11	Sở Y tế	H29.19	105
12	Ủy ban nhân dân Xã Củ Chi	H29.239	104
13	Ủy ban nhân dân Phường Bảy Hiền	H29.216	92
14	Sở Văn hóa và Thể thao	H29.17	77
15	Ủy ban nhân dân Xã Xuân Sơn	H29.265	68
16	Ủy ban nhân dân Phường Xóm Chiếu	H29.167	67
17	Ủy ban nhân dân Phường Cát Lái	H29.157	59
18	Ủy ban nhân dân Phường Vườn Lài	H29.182	52
19	Ủy ban nhân dân Phường Sài Gòn	H29.159	52
20	Ủy ban nhân dân Phường Thủ Đức	H29.148	51
21	Ủy ban nhân dân Phường Đông Hưng Thuận	H29.189	49
22	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Lợi	H29.301	48
23	Ủy ban nhân dân Phường Tân Bình	H29.217	47
24	Ủy ban nhân dân Phường Phước Long	H29.152	46
25	Ủy ban nhân dân Phường An Lạc	H29.197	45
26	Sở Tài chính (CS2)- TP.HCM	H29.13	44
27	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thới Hiệp	H29.191	43
28	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thuận	H29.177	42
29	Ủy ban nhân dân Xã Bình Hưng	H29.230	42
30	Ủy ban nhân dân Phường Phú Lâm	H29.174	38
31	Ủy ban nhân dân Xã Bình Châu	H29.268	38
32	Ủy ban nhân dân Phường Phú Mỹ	H29.256	34
33	Ủy ban nhân dân Phường Tam Bình	H29.147	34

34	Ủy ban nhân dân Phường Bình Trưng	H29.156	33
35	Ủy ban nhân dân Phường Thới An	H29.192	33
36	Ủy ban nhân dân Phường Vũng Tàu	H29.248	32
37	Ủy ban nhân dân Phường Phú Lợi	H29.290	31
38	Ủy ban nhân dân Phường Gia Định	H29.199	31
39	Ủy ban nhân dân Phường Tân Phước	H29.258	31
40	Ủy ban nhân dân Xã Tân Vĩnh Lộc	H29.225	30
41	Ủy ban nhân dân Phường Bình Phú	H29.173	30
42	Ủy ban nhân dân Phường Chợ Quán	H29.168	30
43	Ủy ban nhân dân Phường Dĩ An	H29.280	30
44	Ủy ban nhân dân Phường Phú Định	H29.181	29
45	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thạnh	H29.222	29
46	Ủy ban nhân dân Phường Linh Xuân	H29.149	29
47	Ủy ban nhân dân Xã Phú Hòa Đông	H29.240	29
48	Sở Nội vụ	H29.10	28
49	Ủy ban nhân dân Phường Thới Hòa	H29.278	28
50	Ủy ban nhân dân Phường Nhiêu Lộc	H29.164	27
51	Ủy ban nhân dân Phường Long Bình	H29.150	27
52	Ủy ban nhân dân Xã Hiệp Phước	H29.247	27
53	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Nhì	H29.220	27
54	Ủy ban nhân dân Phường Tam Thắng	H29.249	26
55	Ủy ban nhân dân Phường Bình Trị Đông	H29.196	26
56	Ủy ban nhân dân Phường An Đông	H29.169	26
57	Ủy ban nhân dân Phường Thông Tây Hội	H29.207	26
58	Ủy ban nhân dân Phường Bến Thành	H29.160	25
59	Ủy ban nhân dân Phường Bình Thạnh	H29.200	25
60	Ủy ban nhân dân Xã Long Hải	H29.274	24
61	Ủy ban nhân dân Phường Tây Nam	H29.297	24
62	Ủy ban nhân dân Xã Long Điền	H29.275	23
63	Ủy ban nhân dân Phường Đông Hòa	H29.279	23
64	Ủy ban nhân dân Phường Bình Quới	H29.203	23
65	Ủy ban nhân dân Phường Rạch Dừa	H29.250	22
66	Ủy ban nhân dân Phường Bình Đông	H29.180	22
67	Ban Quản lý Khu Chế xuất và công nghiệp	H29.34	21
68	Ủy ban nhân dân Xã Bình Lợi	H29.226	21
69	Ủy ban nhân dân Phường Phước Thắng	H29.251	21
70	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Hòa	H29.213	21
71	Ủy ban nhân dân Phường Vĩnh Tân	H29.291	21

72	Ủy ban nhân dân Phường Gò Vấp	H29.206	21
73	Ủy ban nhân dân Phường Tân Uyên	H29.293	20
74	Sở Giáo dục và Đào tạo	H29.4	20
75	Ủy ban nhân dân Phường Tân Đông Hiệp	H29.281	20
76	Ủy ban nhân dân Phường An Phú Đông	H29.193	20
77	Ủy ban nhân dân Phường Vĩnh Hội	H29.165	19
78	Ủy ban nhân dân Xã Ngãi Giao	H29.261	19
79	Ủy ban nhân dân Xã Thái Mỹ	H29.236	19
80	Ủy ban nhân dân Phường Cầu Kiệu	H29.211	19
81	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thọ Hòa	H29.221	19
82	Ủy ban nhân dân Xã Châu Pha	H29.260	19
83	Ủy ban nhân dân Phường Tân Mỹ	H29.175	18
84	Ủy ban nhân dân Phường Hiệp Bình	H29.146	18
85	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hiệp	H29.294	18
86	Ủy ban nhân dân Phường An Khánh	H29.155	18
87	Ủy ban nhân dân Xã Vĩnh Lộc	H29.224	18
88	Ủy ban nhân dân Phường An Nhơn	H29.205	18
89	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thuận	H29.178	17
90	Ủy ban nhân dân Phường Lái Thiêu	H29.285	17
91	Ủy ban nhân dân Phường Bà Rịa	H29.253	16
92	Ủy ban nhân dân Phường Thạnh Mỹ Tây	H29.202	16
93	Ủy ban nhân dân Phường An Hội Đông	H29.209	16
94	Ủy ban nhân dân Xã Đông Thạnh	H29.245	16
95	Ủy ban nhân dân Phường Tân Định	H29.158	16
96	Ủy ban nhân dân Phường Đức Nhuận	H29.210	15
97	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Nhất	H29.214	15
98	Ủy ban nhân dân Phường Tân Tạo	H29.198	15
99	Ủy ban nhân dân Phường Tam Long	H29.255	15
100	Ủy ban nhân dân Xã Tân An Hội	H29.238	15
101	Ủy ban nhân dân Xã Đất Đỏ	H29.273	15
102	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Hưng	H29.179	14
103	Ủy ban nhân dân Phường Bình Cơ	H29.292	14
104	Ủy ban nhân dân Phường Minh Phụng	H29.188	14
105	Ủy ban nhân dân Phường Thuận Giao	H29.283	14
106	Ủy ban nhân dân Xã Hồ Tràm	H29.269	13
107	Ủy ban nhân dân Xã Bàu Lâm	H29.272	13
108	Ủy ban nhân dân Phường Hạnh Thông	H29.204	13
109	Ủy ban nhân dân Xã Bàu Bàng	H29.309	12

110	Ủy ban nhân dân Phường Xuân Hòa	H29.162	12
111	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Hiệp	H29.288	12
112	Ủy ban nhân dân Phường Tân Phú	H29.223	11
113	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hưng	H29.176	11
114	Ủy ban nhân dân Xã Bình Khánh	H29.233	11
115	Ủy ban nhân dân Phường Cầu Ông Lãnh	H29.161	11
116	Ủy ban nhân dân Phường Bình Hưng Hòa	H29.195	11
117	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hòa	H29.215	11
118	Ủy ban nhân dân Phường Trung Mỹ Tây	H29.190	11
119	Ủy ban nhân dân Phường Bình Lợi Trung	H29.201	10
120	Ủy ban nhân dân Xã Bắc Tân Uyên	H29.302	10
121	Ủy ban nhân dân Phường Bến Cát	H29.299	10
122	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thành	H29.257	10
123	Ủy ban nhân dân Xã Hòa Hội	H29.271	10
124	Ủy ban nhân dân Xã Bình Mỹ	H29.241	10
125	Ủy ban nhân dân Phường Long Nguyên	H29.298	9
126	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tiên	H29.171	9
127	Ủy ban nhân dân Phường Long Trường	H29.154	9
128	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Phú Hòa	H29.300	9
129	Ủy ban nhân dân Xã Xuyên Mộc	H29.270	9
130	Ủy ban nhân dân Phường Phú Nhuận	H29.212	9
131	Ủy ban nhân dân Xã Tân Nhựt	H29.227	9
132	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tân	H29.194	9
133	Ủy ban nhân dân Xã Phước Hải	H29.276	8
134	Ủy ban nhân dân Phường Diên Hồng	H29.183	8
135	Ủy ban nhân dân Xã Hưng Long	H29.229	8
136	Ủy ban nhân dân Phường Tây Thạnh	H29.219	8
137	Ủy ban nhân dân Phường Long Hương	H29.254	8
138	Ủy ban nhân dân Xã Nhà Bè	H29.246	8
139	Ủy ban nhân dân Xã Minh Thạnh	H29.310	8
140	Ủy ban nhân dân Phường Chợ Lớn	H29.170	7
141	Ủy ban nhân dân Xã Bình Chánh	H29.228	7
142	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Hưng	H29.184	7
143	Ủy ban nhân dân Xã Nghĩa Thành	H29.266	7
144	Sở Du lịch	H29.3	7
145	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hải	H29.259	7
146	Sở Khoa học và Công nghệ	H29.7	7
147	Ủy ban nhân dân Phường Khánh Hội	H29.166	6

148	Ủy ban nhân dân Phường Thuận An	H29.282	6
149	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Bình	H29.185	6
150	Ủy ban nhân dân Xã Phước Thành	H29.305	6
151	Ủy ban nhân dân Xã Hóc Môn	H29.242	6
152	Ủy ban nhân dân Xã Dầu Tiếng	H29.312	5
153	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tây	H29.172	5
154	Ủy ban nhân dân Phường Long Phước	H29.153	5
155	Ủy ban nhân dân Xã An Thới Đông	H29.232	5
156	Ủy ban nhân dân Xã An Nhơn Tây	H29.235	4
157	Ủy ban nhân dân Phường Bình Hòa	H29.284	4
158	Ủy ban nhân dân Xã Hòa Hiệp	H29.267	4
159	Ủy ban nhân dân Phường Phú An	H29.296	4
160	Ủy ban nhân dân Xã Thường Tân	H29.303	4
161	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thọ	H29.186	4
162	Ủy ban nhân dân Phường An Hội Tây	H29.208	4
163	Ủy ban nhân dân Xã Phước Hòa	H29.306	4
164	Ủy ban nhân dân Xã Nhuận Đức	H29.237	3
165	Ủy ban nhân dân Xã An Long	H29.304	3
166	Ủy ban nhân dân Xã Xuân Thới Sơn	H29.244	3
167	Ủy ban nhân dân Xã Phú Giáo	H29.307	3
168	Ủy ban nhân dân Phường An Phú	H29.286	3
169	Ủy ban nhân dân Xã đảo Thạnh An	H29.234	3
170	Ủy ban nhân dân Xã Bình Giã	H29.262	3
171	Ủy ban nhân dân Xã Long Hòa	H29.311	3
172	Ủy ban nhân dân Xã Thanh An	H29.313	2
173	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao	H29.29	2
174	Ủy ban nhân dân Xã Long Sơn	H29.252	2
175	Ủy ban nhân dân Xã Cần Giờ	H29.231	2
176	Ủy ban nhân dân Xã Trừ Văn Thố	H29.308	2
177	Ủy ban nhân dân Xã Kim Long	H29.263	2
178	Ủy ban nhân dân Phường Thủ Dầu Một	H29.289	2
179	Ủy ban nhân dân Đặc khu Côn Đảo	H29.277	2
180	Ủy ban nhân dân Phường Bình Thới	H29.187	1
181	Ủy ban nhân dân Phường Bình Dương	H29.287	1
182	Ủy ban nhân dân Xã Châu Đức	H29.264	1